

Bản án số: 22/2021/DS-ST

Ngày: 13/4/2021

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông P. Hồng Duy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác và ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Kim Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử sơ thẩm Vkhai vụ án thụ lý số: 340/2020/TLST-DS, ngày 12 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10a/2020/QĐXX-ST, ngày 10 tháng 3 năm 2021. Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2021/QĐST-DS, ngày 26/3/2021 giữa:

- Nguyên đơn: ngân hàng .

Người đại diện theo pháp luật ông T, Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số A, đường L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Q – Giám đốc ngân hàng – chi nhánh tỉnh Đắc Nông.

Địa chỉ: số C, đường A, phường N, thành phố G, tỉnh Đắc Nông.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Đ – Chức vụ giám đốc Phòng giao dịch Đức Lập.

Địa chỉ: số W, đường N, thị trấn Đ, tỉnh Đắc Nông.

Gọi tắt là ngân hàng

- Bị đơn: Ông V và bà P, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đ trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa:

Ngày 07/3/2019, ông V và bà P có ký kết hợp đồng tín dụng Hợp đồng tín dụng số 5300-LAV-201901978 vay số tiền 400.000.000 đồng, với mục đích sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 05/3/2021, lãi suất trong hạn 11.5%, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn.

Để đảm bảo khoản vay, ông V và bà P đã ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 53198/TC, ngày 06/03/2019, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, giấy chứng nhận quyền dùng đất số CO998829, U171019, CL478477, CL478476; các thửa đất số 117, tờ bản đồ số 24; thửa đất 55b, 228, 227 tờ bản đồ số 34 đều tọa lạc tại thôn Đức Bình, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng Q và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, ngân hàng đã giao đủ số tiền cho ông V và bà P, đồng thời ông V và bà P đã giao 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông V và bà P thanh toán cho ngân hàng 6.931.507 đồng (*Sáu triệu chín trăm ba một ngàn năm trăm lẻ bảy đồng*) tiền lãi trong hạn.

Tính đến ngày 12/4/2021, ông V và bà P đang nợ và ngân hàng yêu cầu thanh toán số tiền số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn 89.731.507 đồng (*Tám mươi chín triệu bảy trăm ba mươi một ngàn năm trăm lẻ bảy đồng*), lãi quá hạn 5.269.521 đồng (*Năm triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm hai mươi một đồng*). Từ ngày 13/4/2021, tiếp tục tính lãi suất theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp ông V và bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất 117, tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 998829, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 24/12/2018, đứng tên ông V và bà P (Hợp đồng thế chấp tài sản số 53198/TC, ngày 06/03/2019) để thu hồi nợ.

Ngân hàng xin rút và chưa yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, đứng tên ông V và bà P cụ thể:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478476, thửa đất số 227, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 09/02/2018.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478477, thửa đất số 228, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 09/02/2018.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U171019, thửa đất số 55b, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 10/12/2001, đường tên hộ O (thôn Q, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông) và sang nhượng cho ông V và bà P vào ngày 05/2/2018, theo hồ sơ số 000670.CN.001.

Án phí dân sự: Ông V và bà P phải chịu theo quy định của pháp luật.

Đối với số tiền 4.951.000 đồng (*Bốn triệu chín trăm năm mươi một ngàn đồng*), cụ thể: Nhắn tin trên báo đài trung ương hết: 3.051.000 đồng, xem xét thẩm định 900.000 đồng (*Chín trăm ngàn đồng*). Tiền thuê xe ô tô đi xem xét thẩm định hết 1.000.000 đồng. Nay ngân hàng yêu cầu ông V và bà P phải chịu và phải hoàn trả số tiền nói trên cho ngân hàng.

- Bị đơn ông V và bà P, theo biên bản xác minh: ông V và bà P có đăng ký Hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông nhưng hiện nay vắng mặt và đi khỏi địa phương từ đầu năm 2019. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông đã tiến hành niêm yết văn bản tố tụng và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trung ương để ấn định thời gian làm việc tại Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông, tuy nhiên bị đơn ông V và bà P vẫn vắng mặt không có lý do.

Về tài sản thế chấp: Ngày 02/3/2021, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ: Thửa đất 117, tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 998829, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 24/12/2018, đứng tên ông V và bà P (hợp đồng thế chấp tài sản số 53198/TC, ngày 06/03/2019), lô đất này trên thực tế phù hợp, đúng vị trí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn theo quy định pháp luật; Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông V và bà P phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*), tiền lãi trong hạn 89.731.507 đồng (*Tám mươi chín triệu bảy trăm ba mươi một ngàn năm trăm lẻ bảy đồng*), tiền lãi quá hạn 5.269.521 đồng (*Năm triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn năm trăm hai mươi một đồng*), tiền lãi tạm tính đến ngày 12/4/2021. Kể từ ngày 13/4/2021 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ

gốc, bị đơn còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Ông V và bà P không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì xử lý tài sản thế chấp đối với thửa đất 117, tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 998829, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 24/12/2018, đứng tên ông V và bà P (Hợp đồng thế chấp tài sản số 53198/TC, ngày 06/03/2019) để thu hồi nợ.

Chấp nhận nguyên đơn xin rút và chưa yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đứng tên ông V và bà P, cụ thể:

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478476, thửa đất số 227, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 09/02/2018.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478477, thửa đất số 228, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 09/02/2018.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U171019, thửa đất số 55b, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 10/12/2001 và sang nhượng cho ông V và bà P vào ngày 05/2/2018, theo hồ sơ số 000670.CN.001.

Về chi phí xem xét thẩm định: Buộc bị đơn phải hoàn trả ngân hàng số tiền 1.900.000 đồng, nguyên đơn đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án.

Về lệ phí: Ngân hàng đã có đơn đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục nhắn tin theo Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự, nên buộc nguyên đơn phải chịu chi phí nhắn tin thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng số tiền 3.051.000 đồng.

Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng, bị đơn ông V và bà P có hộ khẩu thường trú tại Thôn Đ, xã M, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành xác minh, ông V và bà P đã bỏ đi khỏi địa phương từ đầu năm 2019 và không còn sinh sống tại địa phương, đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông V và bà P theo địa chỉ nguyên đơn cung cấp. Ngày 23/12/2020, ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thực hiện nhắn tin thông báo tìm kiếm ông V và bà P trên phương tiện thông tin đại chúng, Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành nhắn tin trên Báo Công Lý của Tòa án nhân dân tối cao và trên sóng Đài tiếng nói Việt Nam.

[1.2] Nhưng ông V và bà P vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và tiến hành xét xử vắng mặt ông V và bà P là đúng theo quy định tại

Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao. Ông V và bà P vắng mặt, không cung cấp chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng như đưa ra quan điểm để phản bácP yêu cầu của nguyên đơn. Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự “*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*”. Như vậy, ông V và bà P phải chịu hậu quả về việc không đưa ra được và không đưa ra đủ chứng cứ để bảo vệ cho quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

[2] Về nội dung vụ án: Ông V và bà P ký kết hợp đồng tín dụng vay vốn của ngân hàng, sau khi ký kết hợp đồng tín dụng ông V và bà P được ngân hàng giải ngân vay số tiền 400.000.000 đồng, với mục đích sửa chữa nhà ở, thời hạn vay 24 tháng kể từ ngày giải ngân cho đến ngày 05/3/2021, lãi suất trong hạn 11.5%, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn.

[2.1] Để đảm bảo cho khoản vay, ông V và bà P và ngân hàng thỏa thuận ký kết hợp đồng thế chấp tài sản số 53198/TC, ngày 06/03/2019, là tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số CO998829, U171019, CL478477, CL478476; các thửa đất số 117, tờ bản đồ số 24; thửa đất 55b, 228, 227 tờ bản đồ số 34 đều tọa lạc tại thôn Đức Bình, xã Đức Minh, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Hợp đồng thế chấp có công chứng, chứng thực tại Văn phòng công chứng Vũ Minh Vững và đăng ký giao dịch bảo đảm tại chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

Tiền lãi trong hạn ông V và bàP thanh toán được 6.931.507 đồng (từ ngày 07/3/2019 đến 30/4/2019, 55 ngày).

Đến ngày 05/3/2020, ông V và bà P đã thanh toán 50.000.000 đồng, nhưng không thực hiện nghĩa vụ là đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Ngày 05/3/2021, thời hạn cuối cùng thanh toán toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi nhưng ông V và bà P vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã kí kết cho ngân hàng. Vì vậy ngân hàng khởi kiện để yêu cầu ông V và bà P thanh toán nợ cho ngân hàng là phù hợp.

[3] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1] Nợ gốc: Theo hợp đồng tín dụng, ông V và bà P phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng vào ngày ngày 05/3/2020. Số tiền gốc 350.000.000 đồng, trả vào ngày 05/3/2021. Tuy nhiên, khi đến hạn thanh toán nợ gốc và lãi, ông V và bà P không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng mà đã bỏ đi khỏi địa phương. Như vậy, ông V và bà P đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó, ngân hàng làm đơn khởi kiện và yêu cầu ông V và bà P phải có nghĩa vụ thanh toán nợ gốc với số tiền 400.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Lãi suất trong hạn và quá hạn: Theo hợp đồng tín dụng, các bên thỏa thuận lãi suất trong hạn lãi suất trong hạn 11.5%, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn.

Tiền lãi trong hạn từ khi vay cho đến ngày ngày 05/3/2021 là 96.663.014 đồng (*Chín mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn không trăm mười bốn đồng*), ông V và bà P đã thanh toán được 6.931.507 đồng, còn P 89.731.507 đồng và ngân hàng yêu cầu phải thanh toán.

Đến ngày 05/3/2021, ông V và bà P không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ gốc nên ngân hàng đã chuyển toàn bộ nợ gốc sang nợ quá hạn và tính lãi suất quá hạn. Đến ngày xét xử (12/4/2021) tiền lãi quá hạn 5.269.000 đồng và ông V và bà P phải thanh toán tiền lãi nói trên.

Áp dụng án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, tiền lãi sẽ được tiếp tục tính trên dư nợ thực tế kể từ ngày 13/4/2021 trở đi, theo mức lãi suất quá hạn được quy định tại hợp đồng tín dụng cho đến khi ông V và bà P trả hết số tiền gốc.

[3.3] Tài sản thế chấp: Để đảm bảo cho khoản vay, giữa ngân hàng và ông Công, bà P ký kết hợp đồng thế chấp được công chứng, chứng thực, được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định tại các Điều 298, 318 của Bộ luật dân sự năm 2015, là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó trường hợp ông V và bà P không hoặc thanh toán không đầy đủ nợ thì ngân hàng có quyền làm đơn yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp là phù hợp. Yêu cầu xử lý tài sản nêu trên là phù hợp quy định tại Điều 323 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Nguyên đơn xin rút và chưa yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất, nên không đặt ra xem xét giải quyết, cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478476, thửa đất số 227, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 09/02/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478477, thửa đất số 228, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 09/02/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U171019, thửa đất số 55b, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 10/12/2001 và sang nhượng P cho ông V và bà P vào ngày 05/2/2018, theo hồ sơ số 000670.CN.001.

[4] Về lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Sau khi tiến hành xác minh tại địa phương, ông V và bà P đã bỏ đi khỏi địa phương từ đầu năm 2019. Ngày 23/12/2020, ngân hàng có đơn đề nghị Tòa án tiến hành thủ tục nhấn tin thông báo tìm kiếm ông V và bà P. Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil đã tiến hành thủ tục nhấn tin trên Đài tiếng nói Việt Nam và Báo Công Lý, chi phí nhấn tin 3.051.000 đồng (*Ba triệu không trăm năm mươi một ngàn đồng, đã nộp và chi phí nhấn tin*). Trong quá trình làm việc và tại phiên tòa, ngân hàng yêu cầu ông V và bà P phải hoàn trả số tiền nêu trên, theo quy định tại khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng quy định “*Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng có thể được thực hiện nếu có yêu cầu của các đương sự khác. Trong trường hợp này, lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng do đương sự có yêu cầu thông báo chịu*”. Như vậy, ngân hàng là tổ chức làm đơn yêu cầu thông báo tìm kiếm nên buộc nguyên đơn phải chịu số tiền 3.051.000 đồng (*Ba triệu không trăm năm mươi một ngàn đồng*) chi phí nhấn tin.

[5] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên ông V và bà P phải hoàn trả cho ngân hàng số tiền 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm ngàn đồng*), nguyên đơn đã nộp trong quá trình giải quyết vụ án theo quy định Điều 157, Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn. TrảP tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

[7] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 165, Điều 177, Điều 179, Điều 180, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 323, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016. Điều 13 Thông tư số 39/2016 ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng.

2. Buộc ông V và bà P có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền 495.001.027 đồng (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu không trăm lẻ một ngàn không trăm hai mươi bảy đồng*), trong đó nợ gốc là 400.000.000 đồng (*Bốn trăm triệu đồng*); lãi trong hạn là 89.731.507 đồng (*Tám chín triệu bảy trăm ba mốt ngàn năm trăm lẻ bảy đồng*), lãi quá hạn 5.269.000 đồng (*Năm triệu hai trăm sáu mươi chín ngàn đồng*), tính đến ngày tính đến ngày 12/3/2021

“Kể từ ngày 13/4/2021, ông V và bà P còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay”

3. Tài sản thế chấp:

3.1. Trường hợp ông V và bà P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ trả nợ tiền gốc và tiền lãi thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất, cụ thể: Thửa đất 117, tờ bản đồ số 24, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 998829, được Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Nông cấp ngày 24/12/2018, đứng tên ông V và bà P (Hợp đồng thế chấp tài sản số 53198/TC, ngày 06/03/2019) để thu hồi nợ.

3.2. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu sử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (Hợp đồng thế chấp tài sản số 53198/TC, ngày 06/03/2019), cụ thể: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478476, thửa đất số 227, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 09/02/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 478477, thửa đất số 228, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 09/02/2018; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U171019, thửa đất số 55b, tờ bản đồ số 34, được UBND huyện Đắk Mil cấp ngày 10/12/2001 và sang nhượng P cho ông V và bà P vào ngày 05/2/2018, theo hồ sơ số 000670.CN.001.

4. Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

4.1. Ông V và bà P phải nộp 23.800.041 đồng (*Hai mươi ba triệu tám trăm ngàn không trăm bốn mươi một đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.858.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm năm mươi tám ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003716 ngày 11/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

4.2. Lệ phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng: Nguyên đơn phải chịu số tiền 3.051.000 đồng (*Ba triệu không trăm năm mươi một ngàn đồng*), nguyên đơn đã thực hiện xong.

4.3. Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: ông V và bà P phải hoàn trả cho ngân hàng giao dịch Đức Lập số tiền 1.900.000 đồng (*Một triệu chín trăm ngàn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil;
- THADS huyện Đắk Mil;
- Những người tham gia tố tụng;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- *Luu.*